

Số: 38/2014/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 10 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức chi hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 1441  
ĐẾN Ngày: 24/10/14

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên:..... Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2007/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét Tờ trình số 296/TTr-SLĐTBXH ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định mức chi hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Mức chi hỗ trợ công tác cai nghiện bắt buộc, tự nguyện tại Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06 và Cơ sở lưu trú tạm thời thành phố Đà Nẵng (theo Phụ lục 1 đính kèm).

2. Mức chi hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy tại gia đình - cộng đồng (theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Mức chi hỗ trợ đối với công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú (theo Phụ lục 3 đính kèm).

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện được trích từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội bố trí trong dự toán chi ngân sách thành phố, quận, huyện, xã, phường và từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy hàng năm.

**Điều 3.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2011, Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2012 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường; Giám đốc Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Lao động-TBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các Phó CT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Trung tâm GD-DN 05-06;
- Trung tâm Tin học và Công báo TP;
- Lưu: VT, VX, KTTH, NCPC.

159

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Văn Hữu Chiến

# PHỤ LỤC 1

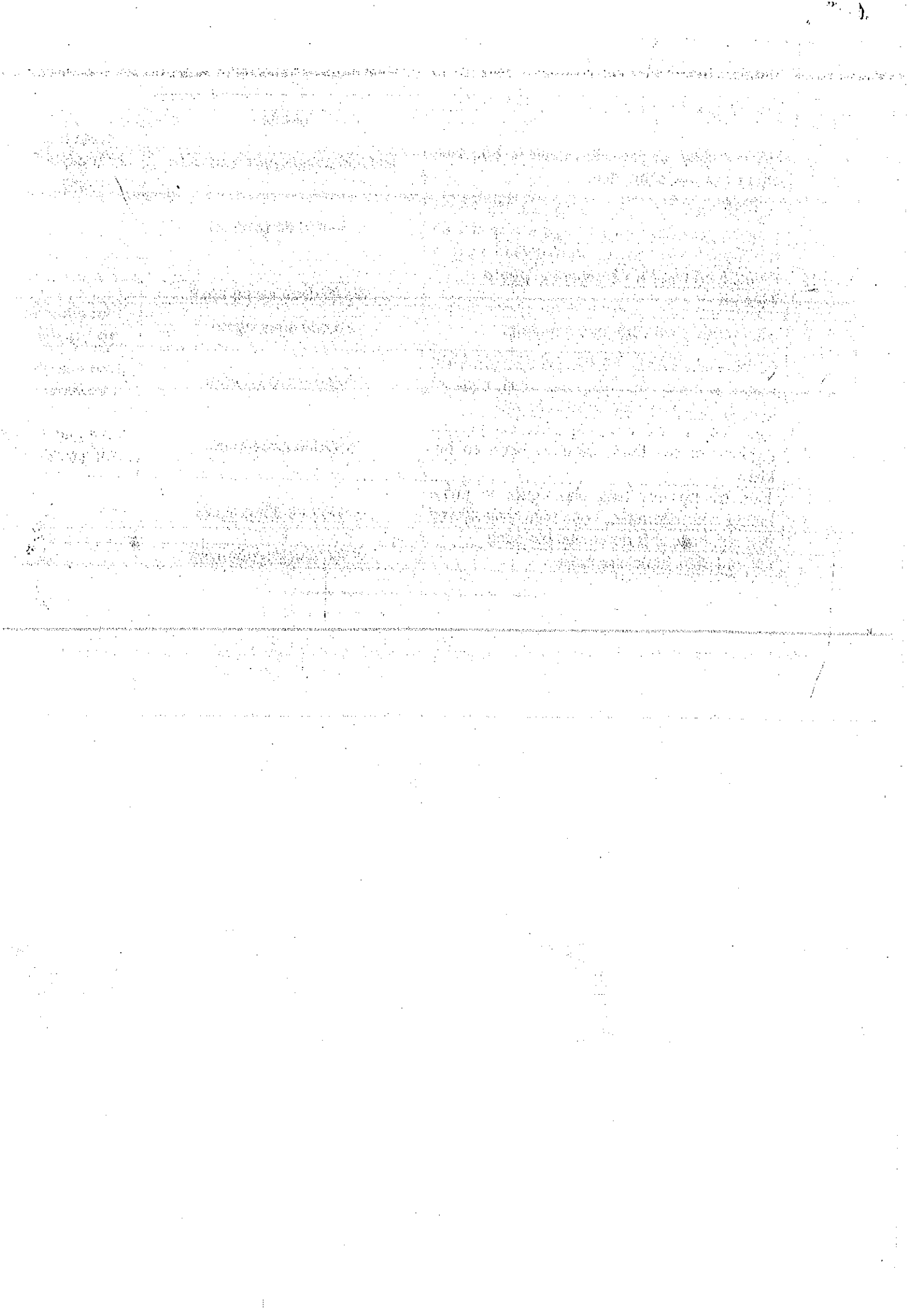
Mức chi hỗ trợ công tác cai nghiện bắt buộc, tự nguyện tại  
 Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06 và  
 Cơ sở quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014  
 của UBND thành phố Đà Nẵng)

| TT       | Nội dung  | Định mức chi<br>(Mức chi tối đa)  | Ghi chú                     |
|----------|---|---|-----------------------------|
| <b>A</b> | <b>TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC - DẠY NGHỀ 05-06</b>  |   |                             |
| <b>I</b> | <b>Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ</b>   |   |                             |
| 1        | Phụ cấp thu hút đặc thù   |   |                             |
| a        | Người làm công tác y tế   |   |                             |
|          | - Bác sĩ  | 200% lương ngạch bậc cộng phụ cấp chức vụ (nếu có) và 02 lần mức lương cơ sở tại thời điểm hiện hưởng                           |                             |
|          | - Những người còn lại làm công tác y tế   | 150% lương ngạch bậc và 01 lần mức lương cơ sở tại thời điểm hiện hưởng   |                             |
| b        | Những người còn lại: CB lãnh đạo, nhân viên hành chính, kế toán, văn thư..., CB quản lý trực tiếp (nhân viên tư vấn, giáo dục, dạy nghề, hướng dẫn lao động...), CB quản giáo, bảo vệ |   |                             |
|          | - Cán bộ có trình độ đại học trở lên  | 150% lương ngạch bậc  |                             |
|          | - Cán bộ trình độ dưới đại học  | 100% lương ngạch bậc  |                             |
| c        | Hỗ trợ thêm   |   |                             |
|          | - Người làm công tác bảo vệ   | 01 lần mức lương cơ sở  |                             |
|          | - Người làm công tác quản giáo  | 02 lần mức lương cơ sở  |                             |
| 2        | Quản nhân dự bị được tuyển dụng   | Hệ số lương khởi điểm 1,86  |                             |
| 3        | Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an tăng cường  | 4.000.000 đồng/người/tháng  |                             |
| 4        | Hỗ trợ tiền ăn cho công an tăng cường làm nhiệm vụ tại Trung tâm  | 30.000 đồng/người/ngày  |                             |
| 5        | Hỗ trợ công an theo dõi, quản lý học viên điều trị tại các bệnh viện  | 100.000 đồng/người/ngày   | Thanh toán không quá 5 ngày |
| 6        | Chi hỗ trợ đối với công an cho việc bắt, lập hồ sơ chuyển giao đối tượng là người nghiện ma túy bỏ trốn khỏi Trung tâm vào lại Trung tâm cai nghiện                                   | 300.000 đồng/người  |                             |
| 7        | Chi họp Hội đồng Tư vấn xét duyệt hồ sơ người nghiện ma túy dưới 18 tuổi tại các quận, huyện  | - Thành viên hội đồng, thư ký<br>50.000 đồng/người/buổi<br>- Nước uống theo quy định của UBND thành phố tại thời điểm thực hiện |                             |

|   |  |  |                                    |
|---|--|--|------------------------------------|
| 8   | Chi hợp Tổ tư vấn, thẩm định hồ sơ người nghiện ma túy tại các quận, huyện   | - Thành viên Tổ tư vấn, thư ký<br>50.000 đồng/người/buổi<br>- Nước uống theo quy định của UBND thành phố tại thời điểm thực hiện |                                    |
| <b>II Chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy</b> |  |  |                                    |
| 1   | Tiền ăn đối với người nghiện ma túy tại Trung tâm GD-ĐN 05-06  | Hỗ trợ tiền ăn mức: 700.000 đồng/người/tháng (trong 12 tháng đầu)  | Thu tiền ăn từ tháng thứ 13 trở đi |
| 2   | Tiền điều trị đối với những người nghiện ma túy được trợ cấp thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm, và thuốc điều trị bệnh cơ hội khác   | 650.000 đồng/người   | 01 lần chấp hành quyết định        |
| 3   | Tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân  |  |                                    |
| a   | Chăn (phù hợp với điều kiện thời tiết tại nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở) và màn (sử dụng định kỳ 03 năm/lần); hằng năm, mỗi học viên được cấp 02 chiếc chiếu, 02 bộ quần áo mùa hè, 02 bộ quần áo mùa đông, 03 bộ quần áo lót, 02 khăn mặt, 02 đôi dép nhựa, 02 bàn chải đánh răng, 01 áo mưa ni lông, 01 chiếc mũ cứng, 01 chiếc mũ vải, 02 đôi tất chân và một đôi găng tay. Hàng quý, mỗi học viên được cấp 01 hộp thuốc đánh răng 150 gam, 01 lọ dầu gội đầu loại 200 ml, 01 bánh xà phòng thơm và 01 kg xà phòng. | 650.000 đồng/người/năm   |                                    |
| b   | Băng vệ sinh đối với học viên nữ (02 gói/người/tháng)  | 20.000 đồng/người/tháng  |                                    |
| 4   | Tiền hoạt động văn thể mỹ  | 50.000 đồng/người/năm  |                                    |
| 5   | Tiền hỗ trợ mai táng cho người nghiện ma túy đang cai nghiện mà không còn thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp hoặc chết do tai nạn lao động   | 3.000.000 đồng/người   |                                    |
| 6   | Người nghiện ma túy bị nhiễm HIV/AIDS khi mắc các bệnh nhiễm trùng cơ hội được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, mua sắm vật dụng   | 250.000 đồng/người/năm   |                                    |
| 7   | Chi phí học nghề   | Theo quy định hiện hành  |                                    |
| 8   | Chi phí điện, nước sinh hoạt   | 70.000 đồng/người/tháng  |                                    |
| 9   | Tiền ăn đi đường, tàu xe đối với người chấp hành xong quyết định tại Trung tâm về cộng đồng nếu gia đình khó khăn, không có thu nhập   | - Hỗ trợ tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày (tối đa không quá 5 ngày)<br>- Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.    |                                    |

| <b>B TẠI CƠ SỞ QUẢN LÝ</b>                    |  |   |                             |
|---|--|---|-----------------------------|
| <b>I Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ</b>         |  |   |                             |
| 1   | Phụ cấp thu hút đặc thù đối với điều dưỡng   | 150% lương ngạch bậc và 01 lần mức lương cơ sở tại thời điểm hiện hưởng |                             |
| 2   | Hỗ trợ công an theo dõi, quản lý học viên điều trị tại các bệnh viện   | 100.000 đồng/người/ngày đêm   | Thanh toán không quá 5 ngày |
| 3   | Chi hỗ trợ cho công an bắt và lập hồ sơ chuyên giao đối tượng là người vi phạm bỏ trốn khỏi Cơ sở lưu trú tạm thời vào lại Cơ sở | 300.000 đồng/người  |                             |
| <b>II Chế độ hỗ trợ đối với người vi phạm</b> |  |   |                             |
| 1   | Tiền ăn  | 30.000 đồng/người/ngày  |                             |
| 2   | Tiền thuốc chữa bệnh thông thường  | 50.000 đồng/người   | Thời gian lưu trú tạm thời  |
| 3   | 02 bộ quần áo dài, 02 bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, băng vệ sinh (đối với phụ nữ)     | 400.000 đồng/người  | Thời gian lưu trú tạm thời  |
| 4   | Tiền điều trị cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và các thuốc điều trị bệnh cơ hội khác  | 650.000 đồng/người  | Thời gian lưu trú tạm thời  |
| 5   | Tiền hỗ trợ mai táng cho người vi phạm không còn thân nhân, hoặc thân nhân không đến kịp, hoặc chết do tai nạn lao động          | 3.000.000 đồng/người  |                             |
| 6   | Chi phí điện, nước sinh hoạt   | 2.500 đồng/người/ngày   |                             |





## PHỤ LỤC 2

Mức chi hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy tại gia đình - cộng đồng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014  
của UBND thành phố Đà Nẵng)

| TT | Nội dung  | Định mức chi<br>(Mức chi tối đa)   | Ghi chú             |
|----|---|--|---------------------|
| 1  | Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện, bắt buộc tại gia đình và cộng đồng đối với công an lập hồ sơ  | 30.000 đồng/hồ sơ  |                     |
| 2  | Chi họp, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng  | - 50.000 đồng/người/buổi<br>- Nước uống theo quy định của UBND thành phố tại thời điểm thực hiện         |                     |
| 3  | Chi hỗ trợ Tổ công tác cai nghiện ma túy (do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn... cho người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng |  |                     |
| a  | Chi hỗ trợ công tác quản lý (VPP, in hồ sơ, sổ sách, thiết bị phục vụ...)   | 2.000.000 đồng/xã, phường/năm  |                     |
| b  | Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng                           | 50.000 đồng/người/ngày   |                     |
| c  | Chi tư vấn cho người nghiện ma túy tại cộng đồng  | - 50.000 đồng/buổi tư vấn/người nghiện ma túy<br>- 70.000 đồng/buổi tư vấn/2 người nghiện ma túy trở lên |                     |
| d  | Chi hỗ trợ theo dõi, quản lý người cai nghiện tại gia đình và cộng đồng   | 250.000 đồng/cán bộ/tháng  |                     |
| 4  | Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy  | 400.000 đồng/người   | 01 lần chấp hành QĐ |

### PHỤ LỤC 3

Mức chi hỗ trợ đối với công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014  
của UBND thành phố Đà Nẵng)

| TT | Nội dung   | Định mức chi<br>(Mức chi tối đa)   | Ghi chú                           |
|----|--|--|-----------------------------------|
| 1  | Hỗ trợ tiền xăng và hao mòn xe cho cán bộ cấp xã, phường đến Trung tâm làm thủ tục nhận người hết thời hạn cai nghiện tại Trung tâm  | 100.000 đồng/người/lần   |                                   |
| 2  | Chi hỗ trợ tư vấn cho người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công trực tiếp tham gia quản lý sau cai nghiện ma túy tư vấn về tâm lý, xã hội cho người sau cai nghiện ma túy                               | - 20.000 đồng/buổi tư vấn/người sau cai nghiện ma túy;<br>- 30.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người sau cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên). |                                   |
| 3  | Hỗ trợ kinh phí tìm việc làm đối với người sau cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng (đối với người từ 16 tuổi trở lên, chấp hành QĐ lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn) | 1.000.000 đồng/người   | Hỗ trợ 01 lần                     |
| 4  | Chi hỗ trợ cho người quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được quản lý, giáo dục tại xã, phường  | Mỗi tháng 25% mức lương cơ sở đối với mỗi người  | Một người quản lý tối đa 03 người |